BẢNG TỔNG HỢP ĐIỂM RÈN LUYỆN HỌC KỲ 1 NĂM 2018-2019

LỚP D18QX - GVCV : ĐẶNG LÊ TRẦN VŨ

STT	mã số	Họ và	tên	TC1 (0-:-20)				TC2 (0-:-25)		TC3 (0-:-20)		TC4 (0-:-25)		TC5 (0-:-10)						HM	BHYT	TỔNG ĐIỂM			
				lớp	khoa	ht	khoa	lớp	khoa	lớp	khoa	lớp	khoa	lớp	hsv	Đoan TN	khoa (phụ trách lớp, ĐTN, HSV)	khoa (HĐ phong trào)	khoa (HĐ học thuật)	5đ	-10	lớp	x.loại	khoa	x.loại
1	18DQ5803020003	Nguyễn Văn	Hậu	3	3	8	11	20	10	6	6	15	15	2	1		3					46	Yếu	**45**	Yếu
2	18DQ5803020012	Nguyễn	Hiển	3	3	8	11	0	0	6	6	15	15	2	1		3					26	Kém	**35**	Yếu
3	18DQ5803020009	Lê Huy	Hoan	3	3	10	13	25	15	4	4	15	15		0		2					47	Yếu	**49**	Yếu
4	18DQ5803020004	Trịnh Vũ Huy	Hoàng	0	0	0	0	25	15	0	0	15	15		0		0					40	Yếu	**30**	Kém
5	18DQ5803020021	Phan Võ Thúy	Kha	3	3	12	15	25	15	8	8	15	15	2	1		3					53	TB	**56**	TB
6	18DQ5803020019	Ngô Hà Tấn	Khôi	3	3	8	11	25	15	6	6	15	15	2	1		3					51	TB	**50**	TB
7	18DQ5803020001	Kpă	Khũ	3	3	10	13	25	15	4	4	15	15		1		1					47	Yếu	**48**	Yếu
8	18DQ5803020011	Đặng Kim	Long	3	3	10	13	25	15	8	8	15	15	2	1		3					53	TB	**54**	TB
9	18DQ5803020002	Nguyễn Lê	Nguyên	3	3	14	17	25	15	8	8	15	15		1		3		-5			51	TB	**53**	TB
10	18DQ5803020017	Đỗ Trọng	Phát	3	3	8	11	25	15	7	7	15	15		0		2					50	TB	**50**	TB
11	18DQ5803020018	Phan Long Nhật	Quỳnh	3	3	10	13	25	15	6	6	15	15	2	1		3					51	TB	**52**	TB
12	18DQ5803020022	Trình Hồng	Sơn	0	0	0	0	25	0	0	0	15	15		0		2					40	Yếu	**17**	Kém
13	18DQ5803020005	Huỳnh Tấn	Tài	3	3	8	11	25	15	8	8	15	15	17	1		10					68	Khá	**59**	TB
14	18DQ5803020008	Lê Huỳnh	Tâm	3	3	0	3	25	15	8	8	15	15	2	1		3					53	TB	**44**	Yếu
15	18DQ5803020010	Trần Công	Thành	3	3	0	3	25	25	5	5	15	15		0		2					48	Yếu	**50**	TB
16	18DQ5803020013	Trần Thế	Thắng	3	3	8	11	25	15	6	6	15	15	2	0		2					51	TB	**49**	Yếu
17	18DQ5803020024	Nguyễn Văn	Thơm	3	3	10	13	25	15	8	8	15	15	2	1		3					53	TB	**54**	TB
18	18DQ5803020007	Đào Thị Xuân	Thùy	3	6	12	18	25	15	8	8	15	15	17	1		10		2			68	Khá	**68**	Khá
19	18DQ5803020014	Phạm Lưu	Tiến	3	3	10	13	25	15	8	8	15	15		0		2					51	TB	**53**	TB
20	18DQ5803020020	Trần Thị Minh	Trâm	3	3	10	13	25	15	8	8	15	15		1		3					51	TB	**54**	TB
21	18DQ5803020015	Lê Anh	Tú	3	3	8	11	25	15	7	7	15	15	2	0		2					52	TB	**50**	TB
22	18DQ5803020006	Đặng Quốc	Vũ	3	3	10	13	25	25	6	6	15	15	2	0		2					51	TB	**61**	TB
23	18DQ5803020016	Huỳnh Thanh	Vương	3	3	12	15	25	15	8	8	15	15		0		2		-5			51	TB	**50**	TB
24	18DQ5803020025	Trần Thị Kim	Lan	3	3	8	11	25	25	8	8	15	15		1		3					51	TB	**62**	TB
25	18DQ5803020026	Huỳnh Phương	Quy	3	3	8	11	25	10	6	6	15	15	2	1		3					51	TB	**45**	Yếu
26	18DQ5803020028	Ngô Minh	Đô	3	3	0	3	25	25	4	4	15	15		1		3					47	Yếu	**50**	TB
27	18DQ5803020027	Võ Văn	Hoàng	3	3	0	3	25	25	0	0	15	15				0					43	Yếu	**43**	Yếu

Ngày tháng năm

Chủ nhiệm Khoa

BẢN TỔNG HỢP

XL	XS	Tốt	Khá	TBK	TB	Yếu	Kém	TC
SL	0	0	1	0	16	8	2	27
%	0.0	0.0	2.2	0.0	35.6	17.8	4.4	60

Người lập

Trần Thị Quỳnh Như

Lê Thị Ngọc Thảo

GHI CHÚ	
LT,	
LP,	